

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

**PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ
TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2021

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Nguyễn Văn Dân
2. PGS.TS Nguyễn Thị Mùi

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

Vào hồi giờ....., ngày..... tháng..... năm.....

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đói nghèo luôn là vấn đề rất quan trọng được các quốc gia trên thế giới quan tâm sâu sắc. Đói nghèo là nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng về thu nhập, kém đa dạng trong phát triển kinh tế, thiếu tính an toàn cho xã hội và ảnh hưởng đến cả vấn đề chính trị. Tiếp cận tài chính là điều quan trọng đối với người nghèo, mặc dù nguồn tài chính rất nhỏ nhưng giúp người nghèo có các điều kiện tài chính nhằm tạo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao mức sống của người nghèo. Tài chính vi mô (TCVM) ra đời, đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia thông qua sự hỗ trợ công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế tài chính toàn diện. TCVM luôn đồng hành cùng với những hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, cá nhân có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ, đây là đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong xã hội.

Theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg, ngày 13/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ “*Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*” đã đề ra mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 9%/năm giai đoạn 2016-2020. GDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 80 triệu đồng tương đương 3.600 USD bằng khoảng 1,1-1,2 lần mức bình quân đầu người của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người những năm qua tăng trưởng chủ yếu tập trung các thành phố, khu đô thị, còn ở khu vực nông thôn, vùng sâu, miền núi và vùng ven biển, hải đảo thu nhập rất thấp. Trong khi khả năng tiếp cận các dịch vụ về tài chính hạn chế nên tác động rất lớn đến nguồn vốn đầu tư vào sản xuất, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần. Từ đó, tác động đến hiệu quả của việc thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo của vùng, cũng như mục tiêu phát triển kinh tế toàn diện của quốc gia.

Xuất phát từ những lý do trên, NCS đã lựa chọn đề tài “*Phát triển hoạt động Tài chính vi mô tại Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*” làm đề tài nghiên cứu, có ý nghĩa cả về khoa học và thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Xây dựng khung lý thuyết để đánh giá thực trạng phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Đề tài nghiên cứu sự phát triển hoạt động tài chính vi mô tại Vùng KTTĐMT.

- Phạm vi về thời gian: Nghiên cứu thực trạng phát triển vùng KTTĐ miền Trung từ năm 2015-2019.

- Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu về phát triển hoạt động TCVM của các tổ chức có cung cấp dịch vụ TCVM cho khách hàng với hoạt động tín dụng vi mô và tiết kiệm vi mô tại vùng KTTĐ miền Trung.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học, trong đó phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng làm nền tảng.

- *Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*: được sử dụng để làm rõ các vấn đề về TCVM và phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ; sử dụng đánh giá thực trạng phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung thời gian qua.

- *Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu*: (1) Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp; (2) Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp.

- *Phương pháp tổng hợp, so sánh và phân tích*: được sử dụng để tổng hợp, so sánh số liệu từ các báo cáo hoạt động về TCVM của các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM nhằm phân tích thực trạng phát triển hoạt động TCVM.

5. Những đóng góp mới

(1) *Về lý luận*: luận án nghiên cứu về phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ nhằm góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, gắn liền với

chiến lược tài chính toàn diện của quốc gia. Trên cơ sở xây dựng 3 nhóm chỉ tiêu phát triển hoạt động TCVM cho vùng KTTĐ quốc gia, bao gồm: nhóm chỉ tiêu về đánh giá quy mô và chất lượng dịch vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM; nhóm chỉ tiêu về đánh giá khả năng tiếp cận của khách hàng TCVM và nhóm chỉ tiêu đánh giá tác động của phát triển hoạt động TCVM đến xóa đói giảm nghèo của khách hàng TCVM.

(2) *Về thực tiễn*: luận án đã đánh giá tổng thể quy mô và chất lượng dịch vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM hoạt động tại vùng KTTĐ miền Trung qua phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, đánh giá thực trạng công tác tiếp cận dịch vụ tài chính của khách hàng TCVM, đánh giá tác động của hoạt động TCVM đến thu nhập của khách hàng TCVM là các hộ nghèo trong vùng, đánh giá sự thay đổi đời sống vật chất và tinh thần của hộ nghèo tại vùng KTTĐ miền Trung thông qua khảo sát bảng hỏi với hai nhóm đối tượng phỏng vấn chuyên gia và khách hàng sử dụng dịch vụ TCVM. Từ đó luận án đề xuất hệ thống các giải pháp phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung một cách toàn diện nhằm góp phần trong công cuộc xóa đói giảm nghèo tại vùng trên cơ sở phát triển tài chính toàn diện và phát triển kinh tế toàn diện.

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương.

Chương 1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý thuyết về phát triển hoạt động tài chính vi mô tại vùng kinh tế trọng điểm của quốc gia

Chương 3. Thực trạng phát triển hoạt động tài chính vi mô tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Chương 4. Giải pháp phát triển hoạt động tài chính vi mô tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2030

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận án

1.1.1. Nghiên cứu về quy mô cung ứng dịch vụ và tính bền vững của các tổ chức TCVM

Nghiên cứu về “*Assessing Outreach and Sustainability of Microfinance Institutions in Cambodia*” của Sophyrum Heng (2015). Luận án thực hiện đánh giá hoạt động tiếp cận và tính bền vững của các tổ chức TCVM tại Campuchia và Indonesia giai đoạn từ 1995-2014. Yếu tố quyết định sự bền vững đối với các tổ chức TCVM là: 1) Tăng trưởng tổng danh mục cho vay; 2) Chi phí hoạt động/tài sản; 3) Quy mô cho vay trung bình trên đầu người. Kết luận rằng khi danh mục cho vay tăng quá nhanh thì tính bền vững của các tổ chức TCVM thấp.

Nghiên cứu về “*Disclosing the loan officer’s role in microfinance development*” của Siwale and Ritchie (2012). Nghiên cứu được thực hiện ở Zambia, nghiên cứu chỉ ra rằng TCVM cung cấp các dịch vụ tài chính cho khách hàng cụ thể như nhận tiền gửi, cho vay, thanh toán và các dịch vụ tài chính khác. Các cán bộ cho vay được các tổ chức TCVM và các tổ chức phi chính phủ tuyển dụng, đánh giá năng lực ban đầu bằng khả năng xâm nhập vào các tổ chức TCVM, được đào tạo các nghiệp vụ cơ bản của hoạt động tín dụng vi mô.

Nghiên cứu về “*Efficiency of microfinance institutions in Sri Lanka: a two-stage double bootstrap DEA approach*” của Wijesiri M, Viganò L, và Meoli M (2015). Nghiên cứu thực hiện trên 36 tổ chức TCVM ở Sri Lanka. Các tổ chức TCVM khó đạt được điểm hòa vốn trong giai đoạn đầu hoạt động, vì thế việc mở rộng quy mô và tăng cường công tác quản lý dễ dàng mang lại lợi nhuận cho các tổ chức TCVM. Các tổ chức TCVM, các tổ chức phi chính phủ được đề cao hiệu quả xã hội trong hoạt động, nhưng bên cạnh đó phải quan tâm đến hiệu quả tài chính.

Nghiên cứu về “*Are Financial and Social Efficiency Mutually Exclusive? A Case Study of Vietnamese Microfinance Institutions*” của Lebovics et al (2017). Hiệu quả được cho rằng là kết quả của một quá trình trong đó chi phí đầu vào được giảm thiểu để mức đầu ra nhất định, mà đầu ra là cả tài chính và xã hội. Tác giả đánh giá ngành TCVM của Việt Nam có sự khác biệt đáng kể

về lịch sử và cấu trúc so với các nền kinh tế mới nổi khác trong khu vực. Bởi ngành TCVM tại Việt Nam được sự tham gia một cách tích cực của các tổ chức đoàn thể và ngân hàng phát triển nhà nước.

Nghiên cứu của Nguyễn Kim Anh và Lê Thanh Tâm (2012) về “Mức độ bền vững của các tổ chức TCVM Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị”, nghiên cứu đề cập đến tác động tích cực của việc phát triển hoạt động TCVM như sau: Tăng tính tiếp cận dịch vụ tài chính của người nghèo và người có thu nhập thấp; khách hàng tiếp cận được liên tục các dịch vụ tài chính mà họ cần; hoạt động bền vững giúp cho tổ chức TCVM thực hiện vai trò hỗ trợ kinh tế - xã hội tốt hơn.

Luận án Tiến sĩ kinh tế về “Phát triển TCVM tại Việt Nam” của Nguyễn Đức Hải (2012) đã tổng kết được các tiêu chí đánh giá sự phát triển TCVM từ bộ chỉ số CAMELS và PEARLS và các nhóm tiêu chí: (1) Nhóm chỉ số về chất lượng dư nợ, (2) Nhóm chỉ số về hiệu suất hoạt động, (3) Nhóm chỉ số về hiệu quả hoạt động và tính bền vững, (4) Nhóm chỉ số về chỉ tiêu sinh lời, (5) Nhóm chỉ số về mức độ tiếp cận, (6) Nhóm chỉ số xã hội. Tuy nhiên nghiên cứu này thực hiện với số lượng tổ chức TCVM chưa nhiều và thời gian nghiên cứu chưa thật sự đủ dài.

Luận án Tiến sĩ kinh tế về “Phát triển hoạt động tài chính vi mô của các TCTD tại Việt Nam” của Phạm Bích Liên (2016) trên cơ sở nghiên cứu tình huống điển hình tại Ngân hàng Liên Việt, tác giả cũng phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển hoạt động TCVM tại các TCTD với mức độ giảm dần như sau: (i) Độ rộng tiếp cận, (ii) Thời gian hoạt động, (iii) Rủi ro tín dụng, (iv) Năng suất lao động và (v) Sự bền vững. Nghiên cứu được thực hiện trên bộ dữ liệu của Ngân hàng Liên Việt.

Luận án Tiến sĩ kinh tế về “Phát triển hoạt động TCVM tại Việt Nam” của Nguyễn Quỳnh Phương (2017). Thực hiện nghiên cứu lý luận về phát triển hoạt động TCVM chính thức và bán chính thức. Nghiên cứu thực trạng sự phát triển của 25 tổ chức TCVM có quy mô hoạt động lớn nhất Việt Nam trong thời gian từ 2010-2015, các chính sách giải pháp áp dụng đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu phỏng vấn chuyên gia, nghiên cứu tình huống, phương pháp phân tích định lượng.

Nghiên cứu của Trương Quang Thông và Vũ Đức Cẩn (2017) về “TCVM tại Việt Nam: Thực trạng hoạt động và các hàm ý chính sách” nghiên cứu được thực hiện dựa vào việc thu thập số liệu từ danh bạ TCVM Việt Nam từ năm

2013-2016 với phương pháp sử dụng thông kê mô tả. Tác giả đã đánh giá được hoạt động tín dụng vi mô; tình hình quản lý tài chính của các tổ chức TCVM; phân tích các chỉ tiêu năng suất và hiệu quả của các tổ chức TCVM theo hình thức pháp lý; phân tích lợi nhuận và bền vững của các tổ chức TCVM phân theo hình thức pháp lý.

Luận án Tiến sĩ kinh tế về “Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức TCVM tại Việt Nam” của Đào Lan Phương (2019) nêu ra các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức TCVM tại Việt Nam. Nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động của các tổ chức TCVM quy mô nhỏ, kể cả chính thức và bán chính thức trong giai đoạn (2011-2016). Để đánh giá chi tiết các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức TCVM, tác giả đã đi nghiên cứu 5 tổ chức TCVM chính thức. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính đưa ra nhóm khuyến nghị.

Luận án về “Phát triển dịch vụ tài chính vi mô của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam” của Đỗ Thị Diên. Luận án đánh giá chất lượng dịch vụ tín dụng qua khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng. Kết quả đánh giá cho thấy hoạt động phát triển dịch vụ TCVM còn một số hạn chế sau: sản phẩm chưa đa dạng; phương thức cung ứng dịch vụ chưa đa dạng; mô hình tổ chức quản lý dịch vụ TCVM chưa hoàn thiện. Luận án đã đưa ra 5 nhóm giải pháp phát triển dịch vụ TCVM cho Agribank. Vậy với quan điểm phát triển dịch vụ TCVM như tác giả đưa ra thì tác giả chưa giải quyết được vấn đề chất lượng dịch vụ.

1.1.2. Nghiên cứu về khả năng tiếp cận dịch vụ TCVM của khách hàng

Nghiên cứu về “*Measuring the Performance of Microfinance Institutions*” của Ferro-Luzzi and Weber, (2006). Nghiên cứu nhấn mạnh việc đo lường hiệu quả hoạt động của các tổ chức TCVM là một hoạt động rất cần thiết và quan trọng. Các tổ chức TCVM luôn phải đi giải quyết hai vấn đề cốt lõi là cung cấp các dịch vụ cho người nghèo nhất trong xã hội, thông qua cách thức cung cấp các dịch vụ TCVM để người nghèo tiếp cận được. Bên cạnh đó, luôn chú trọng đến công tác phát triển tổ chức của mình.

Nghiên cứu về “*Access to microfinance and intra household business decision making: Implication for efficiency of female owned enterprises in Ghana*” của Akpalu et all (2012). Nghiên cứu cho thấy việc tiếp cận tín dụng TCVM không thuận tiện góp phần làm tăng đói nghèo đối với phụ nữ, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Nghiên cứu được thực hiện vào năm 2011 thông

qua khảo sát ngẫu nhiên 500 DN do phụ nữ quản lý. Mục tiêu nghiên cứu thiết lập mối liên hệ giữa dịch vụ TCVM cung ứng và hiệu quả kinh doanh của các hộ gia đình hoặc các doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ điều hành, quản lý.

Nghiên cứu về “*Depth of outreach and financial sustainability of microfinance institutions*” của Shakil Quayer (2012). Nghiên cứu kết luận rằng cả sự bền vững tài chính và mức độ tiếp cận là hai nhân tố quan trọng có mối liên hệ bổ sung tích cực cho nhau. Mức độ tiếp cận và bền vững tài chính của các tổ chức TCVM chịu tác động của đòn bẩy tài chính.

Nghiên cứu của Nguyễn Kim Anh et all (2017) về “Ứng dụng công nghệ (Fintech) trong hoạt động tài chính vi mô hướng tới phổ cập tài chính tại Việt Nam” nghiên cứu về thực trạng và đánh giá cơ hội, tiềm năng cũng như thách thức, khó khăn trong việc ứng dụng Fintech đối với các tổ chức TCVM tại Việt Nam phục vụ phổ cập tài chính tại Việt Nam. Nghiên cứu được thực hiện trên 2 tổ chức TCVM trong khu vực có ứng dụng Fintech trong hoạt động TCVM thúc đẩy phổ cập tài chính. Với 300 khách hàng đã, đang và có nhu cầu sử dụng sản phẩm TCVM ứng dụng Fintech.

1.1.3. Nghiên cứu về tác động của TCVM đến giảm nghèo

Nghiên cứu về “*Microfinance and Poverty—A Macro Perspective*” của Imai et all (2012). Bài viết giúp kiểm chứng được TCVM tác động đến giảm nghèo thông qua việc sử dụng dữ liệu xuyên quốc gia của các nhà nghiên cứu trước đó về tác động của TCVM đến giảm nghèo ở Ấn Độ và Bangladesh, thông qua việc cho vay với mục đích sản xuất thì TCVM đã làm giảm nghèo đói. Tuy nhiên, các nghiên cứu đó chưa đề cập đến mức độ tác động đến tiêu dùng của hộ gia đình và công tác phòng ngừa các rủi ro trong cuộc sống.

Nghiên cứu về “*Microfinance: development intervention or just another bank*” của Korth et all (2012). Nghiên cứu đánh giá về sự tác động của TCVM đến cuộc sống của các phụ nữ nghèo, đàn ông và cả trẻ em ở Châu Phi hạ Sahara. Tập trung vào kết quả phi tài chính trong dài hạn liên quan đến 3 yếu tố là sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng các nhà nghiên cứu, các nhà thực thi chính sách, các nhà hoạch định chính sách cần phải xác định câu hỏi là TCVM tác động đến phụ nữ nghèo, đàn ông và trẻ em cả ngắn hạn và dài hạn, cả về chỉ số giàu có và không giàu có.

Nghiên cứu về “*Financial development and poverty reduction in developing countries: New evidence from banks and microfinance institutions*” của Donou - Adonsou and Sylwester (2016). Nghiên cứu được thực hiện trên

71 quốc gia giai đoạn 2002-2012 nhấn mạnh rằng TCVM cung cấp dịch vụ tài chính cho người nghèo, đặc biệt là tín dụng xóa đói giảm nghèo đã được thừa nhận ở những năm 1970 với tác tổ chức TCVM phát triển như ở Bangladesh. Theo kết quả khảo sát cho thấy danh mục cho vay của các tổ chức TCVM tại các nước đang phát triển tăng đến 1700% và số lượng khách hàng vay tăng lên đến 400%, phổ biến nhất ở các nước Nam Á, đặc biệt so với Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh thì nó còn cao hơn.

Nghiên cứu của Nguyễn Kim Anh et all (2011) về *“Tài chính vi mô với giảm nghèo tại Việt Nam. Kiểm định và so sánh”*. Một số kết quả nghiên cứu được tìm thấy: (1) Tình trạng nhà ở, nhà vệ sinh, nước sinh hoạt đều có những thay đổi tích cực sau khi các hộ gia đình tiếp cận được vốn vay, (2) Hầu hết các hộ gia đình đều đánh giá cao về các lợi ích xã hội do TCVM mang lại, (3) So sánh giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM, tỷ lệ khách hàng có lợi ích về đào tạo, hướng dẫn và các lợi ích xã hội là cao nhất đối với khách hàng tổ chức TCVM (trên 37%).

Luận án Tiến sĩ kinh tế về “TCVM hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại Tỉnh Đồng Nai đến năm 2020” của Lê Liên Cường (2013) tác giả đã hoàn thiện cơ sở lý luận, luận cứ khoa học về TCVM hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, nghiên cứu thực trạng hoạt động TCVM tại tỉnh Đồng Nai. Đề xuất các giải pháp để tổ chức TCVM hoạt động hiệu quả, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính và phi tài chính với chi phí thấp hơn. Luận án nghiên cứu hoạt động trên phạm vi của tỉnh với số liệu thu thập từ các báo cáo thống kê còn khá mỏng.

Nghiên cứu về “Hoạt động của các tổ chức TCVM góp phần giảm nghèo bền vững ở Việt Nam” của Võ Đức Toàn, nghiên cứu chỉ ra đơn vị cung cấp các dịch vụ TCVM tại Việt Nam bao gồm ngân hàng CSXH Việt Nam, Quỹ TDND, công ty TNHH TCVM và một số tổ chức khác, nhằm phục vụ chủ yếu cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và có thu nhập thấp. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở đánh giá hoạt động của các tổ chức TCVM được thành lập theo Luật các TCTD. Bao gồm 4 tổ chức là Tổ chức TCVM TNHH MTV Tỉnh Thương, Tổ chức TCVM TNHH M7, Tổ chức TCVM TNHH Thanh Hóa, Tổ chức TCVM MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm.

Luận án về “Phát triển tín dụng cho hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên” của Nguyễn Hữu Thu, luận án đã phân tích khá toàn diện thực trạng công tác phát triển tín dụng cho hộ nghèo tại tỉnh Thái Nguyên. Qua đó phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển tín dụng cho hộ nghèo. Kết luận của nghiên cứu

là phát triển tín dụng cho người nghèo tác động đến việc giảm nghèo. Nghiên cứu chưa đánh giá tổng thể mạng lưới các tổ chức cung cấp tín dụng cho hộ nghèo tại địa phương và hướng phát triển để đáp ứng nhu cầu vốn cho người nghèo trong tương lai.

Luận án về “Giải pháp tài chính vi mô cho xóa đói giảm nghèo bền vững ở Việt Nam” của Trịnh Thu Thủy nghiên cứu về tác động của TCVM không những trực tiếp đến xóa đói giảm nghèo mà còn gián tiếp thông qua thay đổi nhận thức của người nghèo như người dân thay đổi cách làm kinh tế, phát triển sản xuất theo hướng năng động, thoát nghèo bền vững. Với mục tiêu xây dựng giải pháp giảm nghèo bền vững, nhưng luận án không đề cập đến đối tượng cung cấp tài chính cho hộ nghèo lớn nhất Việt Nam hiện nay là NHCSXH để đánh giá thực trạng hoạt động TCVM tác động đến giảm nghèo.

1.2. Khoảng trống và câu hỏi nghiên cứu

1.2.1. Khoảng trống nghiên cứu

Nghiên cứu phát triển hoạt động TCVM cho một vùng kinh tế cho đến nay chưa có nghiên cứu nào. Đặc biệt, phát triển hoạt động TCVM của các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM tại vùng KTTĐ của một quốc gia nhằm góp phần giảm nghèo, nâng cao mức sống cho đối tượng thụ hưởng là chưa thực hiện. Có một số nghiên cứu đã công bố về giảm nghèo và tác động của chương trình, chính sách giảm nghèo đối với đối người nghèo. Nhưng nghiên cứu về phát triển hoạt động TCVM cho vùng KTTĐ quốc gia gắn với chương trình mục tiêu về giảm nghèo bền vững, chương trình xây dựng nông thôn mới... của các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM trên cơ sở phát triển tài chính toàn diện là chưa có các nghiên cứu chuyên sâu. Vì thế, tác giả có kế thừa một số kết quả từ các nghiên cứu đã công bố để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung gắn với phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu là nội dung mới của đề tài.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Quan điểm phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ là gì? Quy mô và chất lượng dịch vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM có tác động đến phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ như thế nào? Phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ có gia tăng khả năng tiếp cận vốn, cải thiện thu nhập, nâng cao mức sống cho khách hàng TCVM và có hạn chế được tình trạng tiếp

cận vốn từ các kênh phi chính thức không?. Giải pháp cơ bản nào đẩy mạnh sự phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ?.

Kết luận chương 1

Trong chương 1, NCS đã trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu các công trình liên quan đến phát triển hoạt động TCVM trong và ngoài nước. Các công trình được NCS trình bày theo 3 nhóm với các chủ đề: Nghiên cứu về quy mô hoạt động và tính bền vững của các tổ chức TCVM; Nghiên cứu về khả năng tiếp cận dịch vụ TCVM của khách hàng; Nghiên cứu về tác động đến giảm nghèo. Các công trình nghiên cứu được tổng hợp, tóm tắt các nội dung đã được nghiên cứu, chỉ ra các khoảng trống chưa nghiên cứu để làm cơ sở cho việc xác định hướng nghiên cứu luận án của NCS. Qua đây, NCS cũng đã đặt ra các câu hỏi cho vấn đề nghiên cứu cần giải quyết trong luận án để đạt được mục tiêu nghiên cứu như đã xác định.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM CỦA QUỐC GIA

2.1. Tổng quan về tài chính vi mô

2.1.1. Sự ra đời Tài chính vi mô

Thuật ngữ TCVM được đề cập đến khi mô hình cung cấp tín dụng của F.W.Raiffeisen được áp dụng tại Đức vào năm 1860 nhằm cung cấp tín dụng thông qua việc thiết lập các hiệp hội tín dụng. Năm 1970 các chương trình mở rộng cho vay cho nhóm phụ nữ nghèo để đầu tư vào các doanh nghiệp vi mô và các khoản tín dụng vi mô đã hình thành. Đến năm 2002 phạm vi TCVM được nghiên cứu khá nhiều trên thế giới, các quan điểm về TCVM cũng phong phú và đa dạng.

2.1.2. Khái niệm tài chính vi mô

Vậy, TCVM được hiểu là việc cung cấp các dịch vụ tín dụng vi mô, dịch vụ tiết kiệm vi mô, dịch vụ bảo hiểm vi mô, dịch vụ trung gian thanh toán và các dịch vụ phi tài chính khác cho các hộ nghèo, cá nhân có thu nhập thấp, DN siêu nhỏ nhằm ổn định đời sống, cải thiện thu nhập giúp thoát nghèo và vươn lên hơn trong xã hội.

2.1.3. Các tổ chức tài chính vi mô

Các tổ chức TCVM là các trung gian tài chính chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính cho đối tượng khách hàng là người nghèo, những người sản xuất nhỏ, các nhóm cá nhân kinh doanh, các DN nhỏ hoặc siêu nhỏ.

2.1.4. Các dịch vụ tài chính vi mô

2.1.4.1. Dịch vụ tín dụng vi mô

Hoạt động tín dụng vi mô là hoạt động cung ứng tín dụng chủ yếu cho khách hàng TCVM dưới nhiều hình thức cho vay khác nhau. Các sản phẩm tín dụng vi mô mà các tổ chức TCVM cung cấp, bao gồm: cho vay cá thể, cho vay theo nhóm tương hỗ và cho vay gián tiếp theo nhóm tương hỗ qua trung gian thứ 3.

2.1.4.2. Dịch vụ tiết kiệm vi mô

Dịch vụ tiết kiệm vi mô là dịch vụ có vai trò quan trọng trong việc huy động các nguồn vốn nhỏ, lẻ cho các tổ chức TCVM dưới góc độ đóng góp của khách hàng thông qua các hình thức tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện và tiết kiệm của các DN nhỏ và siêu nhỏ. Bao gồm tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện. Tiết kiệm có kỳ hạn và không có kỳ hạn của các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

2.1.4.3. Dịch vụ bảo hiểm vi mô

Các sản phẩm của dịch vụ bảo hiểm TCVM bao gồm: Bảo hiểm về cuộc sống; Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm hỗn hợp.

2.1.4.4. Dịch vụ thanh toán

Dịch vụ thanh toán được các tổ chức TCVM cung cấp khi cung cấp dịch vụ tiết kiệm. Có nghĩa là khách hàng có các tài khoản tại các tổ chức TCVM để thực hiện các giao dịch thanh toán.

2.1.4.5. Dịch vụ phi tài chính của các tổ chức tài chính vi mô

Trong thời gian qua, các tổ chức TCVM trên thế giới đã thành công rất lớn cho việc cung cấp các dịch vụ phi tài chính cho khách hàng vi mô. Như dịch vụ tư vấn kỹ thuật nông nghiệp cho vùng nông thôn, với dịch vụ này.

2.1.5. Mối quan hệ giữa tài chính vi mô, tài chính toàn diện và tín dụng chính sách

Với mục tiêu phát triển hoạt động TCVM an toàn, bền vững nhằm phục vụ người nghèo, người có thu nhập thấp, các DN nhỏ và siêu nhỏ, đóng góp vào công cuộc giảm nghèo bền vững của các quốc gia. Hiệu quả hoạt động TCVM có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển kinh tế, chính trị và an sinh xã hội. Phát triển hoạt động TCVM nằm trong phát triển tài chính toàn diện quốc

gia. Trong chiến lược phát triển toàn diện các tổ chức TCVM được xem là các tổ chức chuyên biệt phục vụ người nghèo, người có thu nhập thấp, đối tượng chính sách và cư dân sinh sống ở nông thôn.

Phát triển hoạt động TCVM hướng đến mục tiêu đối tượng thụ hưởng thì các nội dung phát triển tài chính toàn diện, hoạt động tín dụng chính sách, hoạt động tín dụng vi mô đều tác động tích cực đến nhóm khách hàng là người nghèo, người có thu nhập thấp, người sống ở vùng đặc biệt khó khăn, các DN nhỏ, DN siêu nhỏ và các đối tượng chính sách khác, đối tượng yếu thế...

2.2. Phát triển hoạt động tài chính vi mô

2.2.1. Quan điểm phát triển hoạt động tài chính vi mô

Phát triển hoạt động TCVM được tiếp cận dưới nhiều quan điểm: Mở rộng quy mô và tăng chất lượng dịch vụ cung ứng của các tổ chức TCVM; Tăng khả năng tiếp cận của khách hàng; Tác động đến giảm nghèo; Gắn với phát triển tài chính toàn diện. Vậy *“Phát triển hoạt động TCVM là quá trình mở rộng quy mô, hoàn thiện chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng TCVM và lợi ích tối ưu cho các tổ chức TCVM”*.

2.2.2. Chỉ tiêu đánh giá sự phát triển hoạt động tài chính vi mô

2.2.2.1. *Chỉ tiêu về quy mô và chất lượng dịch vụ cung ứng của các tổ chức TCVM:*

Dư nợ cho vay; Tỷ lệ thu nợ gốc; Tỷ lệ thu lãi; Dư nợ quá hạn; Tỷ lệ nợ quá hạn; Số dư TGTK; Số lượng khách hàng có số dư.

2.2.2.2. Chỉ tiêu về khả năng tiếp cận của khách hàng TCVM

Số lượng khách hàng vay vốn và tổng dư nợ tín dụng; Số lượng khách hàng tiết kiệm và tổng giá trị tiết kiệm từ khách hàng; Giá trị cho vay trung bình; Quy mô món vay trung bình; Tỷ lệ khách hàng nữ; Tỷ lệ nợ quá hạn.

2.2.2.3. Chỉ tiêu về tác động đến giảm nghèo

Thu nhập trước và sau khi tiếp cận nguồn vốn; Mức sống các hộ nghèo trước và sau khi tiếp cận; Khả năng tích lũy các loại tài sản.

2.2.3. Yếu tố tác động đến sự phát triển hoạt động tài chính vi mô.

2.2.3.1. Yếu tố từ các tổ chức TCVM. Các tổ chức TCVM có lịch sử ra đời, mạng lưới hoạt động, chất lượng hoạt động, sự bền vững về tài chính và hệ thống thông tin quản lý khác nhau sẽ tác động đến sự phát triển hoạt động TCVM khác nhau.

2.2.3.2. Yếu tố từ khách hàng TCVM. Khách hàng TCVM có trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, giới tính, nhân khẩu khác nhau sẽ ảnh hưởng đến sự tiếp cận dịch vụ, hiệu quả sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn.

2.2.3.3. Yếu tố môi trường hoạt động. Môi trường luật pháp, chính trị xã hội và kinh tế tác động đến sự phát triển hoạt động TCVM như gia tăng nguồn vốn huy động, mức độ an toàn vốn, khủng hoảng tài chính tiền tệ và thu nhập bình quân của khách hàng TCVM.

2.3. Vùng kinh tế trọng điểm và vai trò phát triển hoạt động tài chính vi mô tại vùng kinh tế trọng điểm

2.3.1. Vùng kinh tế trọng điểm của quốc gia

Vùng KTTĐ là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia gồm một số tỉnh, thành phố hội tụ được các điều kiện và yếu tố phát triển thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, giữ vai trò động lực, đầu tàu lôi kéo sự phát triển chung của cả nước.

2.3.2. Tầm quan trọng của việc phát triển hoạt động TCVM đối với vùng kinh tế trọng điểm

Vùng KTTĐ của quốc gia hội tụ được các điều kiện và yếu tố phát triển thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, giữ vai trò động lực, đầu tàu lôi kéo sự phát triển chung của cả nước. Phát triển hoạt động TCVM nhằm tạo việc làm, đa dạng mô hình sản xuất; Cải thiện thu nhập hộ gia đình, cải thiện điều kiện sống; Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và góp phần phát triển tài chính toàn diện.

2.4. Kinh nghiệm quốc tế và bài học về phát triển hoạt động tài chính vi mô tại một số quốc gia

Nội dung luận án đề cập đến kinh nghiệm của Ấn độ, Bangladesh, Indonesia và Hàn Quốc. Từ đó rút ra 5 bài học kinh nghiệm cho phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung.

Kết luận chương 2

Nghiên cứu lý luận về hoạt động của các tổ chức TCVM và sự phát triển hoạt động TCVM. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế thành công về sự phát triển hoạt động TCVM từ các nước như Ấn độ, Bangladesh, Indonesia và Hàn Quốc, luận án đưa ra một số bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho vùng KTTĐ miền Trung và Việt Nam.

Như vậy, phát triển hoạt động TCVM tại một vùng kinh tế được xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Cần có những giải pháp thiết thực từ các tổ chức TCVM, từ các chính quyền địa phương và Chính phủ để có định hướng giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển và tăng trưởng kinh tế.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

3.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của vùng KTTĐ miền Trung liên quan đến sự phát triển hoạt động TCVM

Trong nội dung này luận án trình bày Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của vùng KTTĐ miền Trung. Thực trạng đói nghèo tại vùng KTTĐ miền Trung. Từ đó nêu ra các nguyên nhân khách quan và chủ quan của tình trạng đói nghèo.

3.2. Thực trạng hoạt động TCVM tại Việt Nam thời gian qua

Phần này luận án trình bày: Sự ra đời và cơ sở pháp lý hoạt động TCVM tại Việt Nam; Mạng lưới tổ chức TCVM hoạt động tại Việt Nam; Thực trạng cung cấp dịch vụ TCVM tại Việt Nam thời gian qua. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động TCVM tại Việt nam bao gồm 3 kết quả đạt được và 3 điểm hạn chế cần khắc phục.

3.3. Thực trạng phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung

3.3.1. Phát triển hoạt động TCVM qua chỉ tiêu quy mô và chất lượng dịch vụ tại vùng KTTĐ miền Trung

3.3.1.1. Phát triển hoạt động TCVM qua chỉ tiêu quy mô và chất lượng dịch vụ tại NHCSXH ở vùng KTTĐ miền Trung

Bảng 3.1: Dư nợ tín dụng vi mô của NHCSXH tại vùng KTTĐ miền Trung giai đoạn 2015-2019

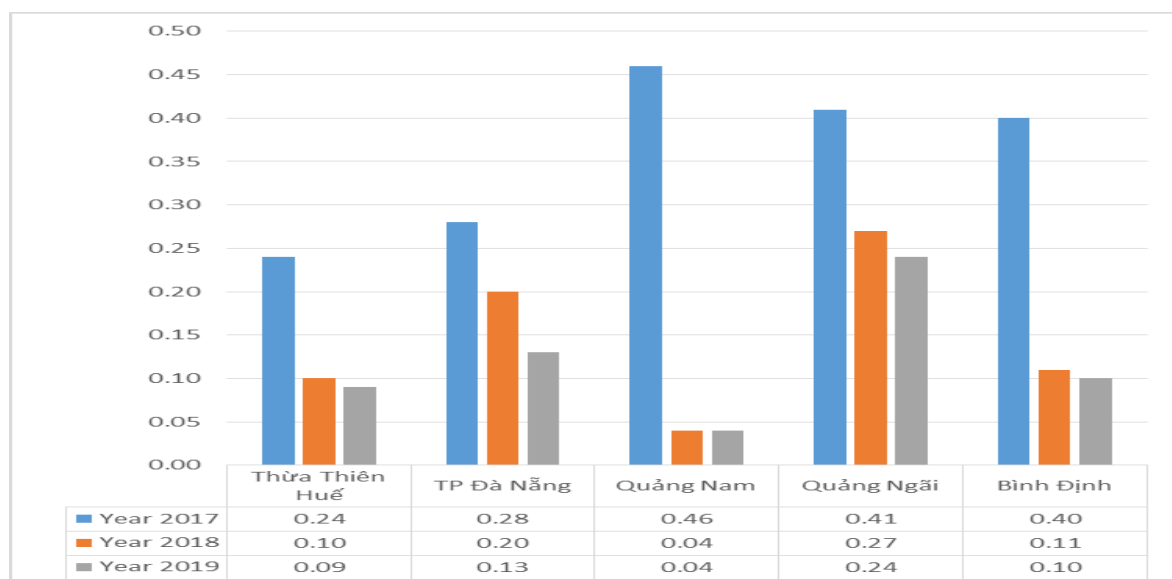
ĐVT: trđ

TT	Địa phương	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Thừa Thiên Huế	1,878,821	2,105,939	2,293,098	2,547,569	2,767,371
2	TP Đà Nẵng	1,283,418	1,466,441	1,638,025	1,988,933	2,352,179
3	Quảng Nam	3,470,673	3,677,566	3,964,501	4,279,646	4,679,130
4	Quảng Ngãi	2,535,664	2,664,935	2,880,405	3,098,421	3,389,423
5	Bình Định	2,513,238	2,801,694	3,129,663	3,433,379	3,799,022
6	Tổng	11,681,814	12,716,575	13,905,692	15,347,948	16,987,125

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo NHCSXH VN

Với mạng lưới bao phủ rộng khắp tất cả tỉnh, thành phố đến tận xã phường, NHCSXH thực hiện tốt công tác cho vay đối với người nghèo, thông qua việc xác định đúng đối tượng, giải ngân kịp thời và đã phát huy được hiệu quả trong công tác sử dụng vốn từ các hộ nghèo. Trong hoạt động cung ứng tín dụng cho người nghèo của NHCSXH các địa phương đã thực hiện công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở các Tổ TK&VV, Ban quản lý Tổ TK&VV thông qua hình thức tự đào tạo hoặc thực hiện chương trình hợp tác đào tạo với NHCSXH.

ĐVT: %



Biểu đồ 3.13: Tỷ lệ nợ quá hạn tín dụng vi mô của NHCSXH tại vùng KTTĐ miền Trung giai đoạn 2017-2019

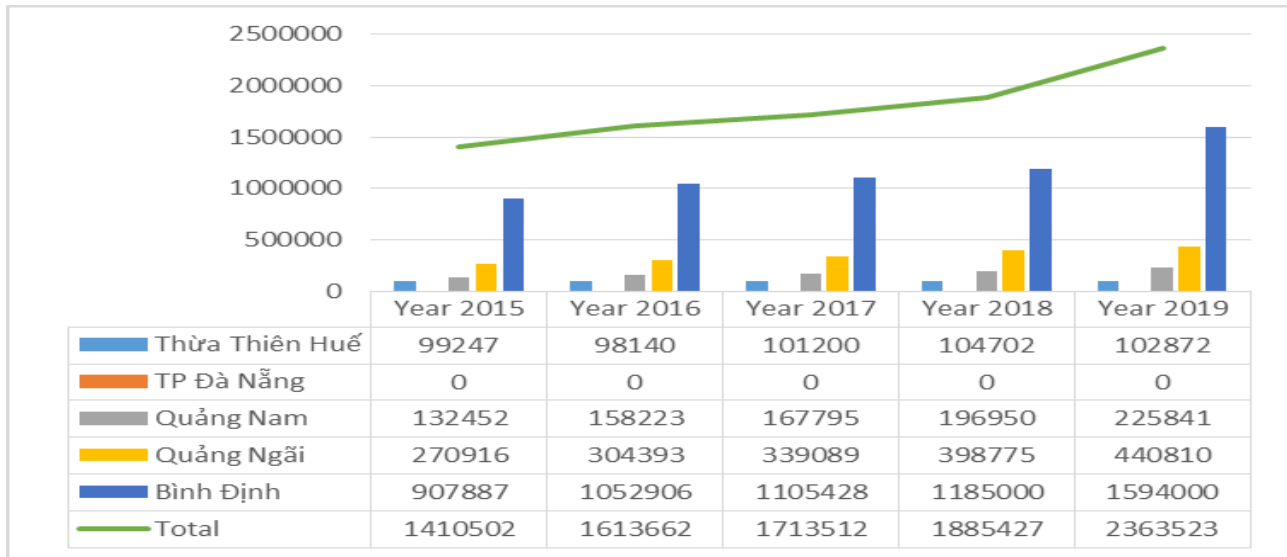
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo NHCSXH VN

Nợ quá hạn còn tồn đọng là không thể tránh khỏi do những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bệnh tật, đầu tư thua lỗ. Vẫn còn khách hàng như cố tình sử dụng vốn sai mục đích, quá chậm trong công tác trả nợ và nguyên nhân từ phía ngân hàng. Vẫn còn một số hạn chế về quy trình, thủ tục cho vay, trình độ của cán bộ cơ sở chưa cao, về chất lượng hoạt động của tổ TK&VV chưa đồng đều và về năng lực quản lý, điều hành của các đơn vị nhận uỷ thác các cấp Hội đoàn thể.

3.3.1.2. Phát triển hoạt động TCVM qua chỉ tiêu quy mô và chất lượng dịch vụ của Quỹ TDND tại vùng KTTĐ miền Trung

Kết quả đạt được về quy mô dư nợ là do Quỹ TDND có trụ sở ở các vùng nông thôn, cán bộ hoạt động của quỹ chủ yếu là người dân địa phương, nắm bắt rất rõ về tình hình tài chính hộ gia đình, nhu cầu vốn vay của từng hộ và đặc biệt rất thạo về địa hình. Nên công tác cấp tín dụng và huy động vốn được thực hiện khá thuận tiện.

ĐVT: trđ

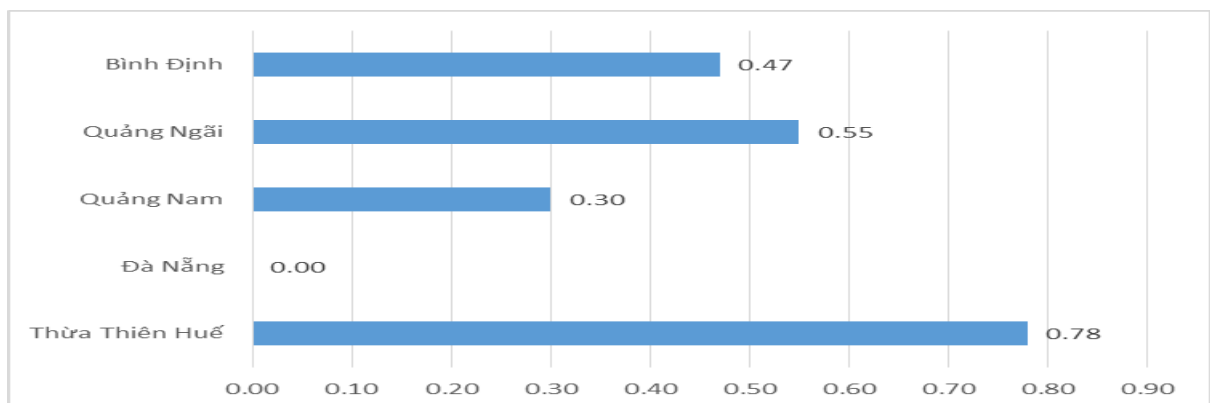


Biểu đồ 3.14: Dư nợ cho vay của Quỹ TDND các địa phương vùng KTTĐ miền Trung giai đoạn 2015-2019

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo kết quả hoạt động Quỹ TDND các địa phương vùng KTTĐ miền Trung năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

Nguồn huy động TGTK luôn đạt trên 85% tổng nguồn vốn huy động. Có được kết quả trên do các Quỹ TDND cơ sở luôn nỗ lực tạo niềm tin cho khách hàng, có cơ chế lãi suất hợp lý và có những chính sách thu hút khách hàng phù hợp. Việc tiếp cận khách hàng chưa thật sự chú trọng, sản phẩm chưa được quảng bá đến khách hàng và vấn đề cạnh tranh lãi suất đang gây ra khó khăn cho hoạt động các quỹ.

ĐVT: %



Biểu đồ 3.16: Tỷ lệ nợ quá hạn của Quỹ TDND các địa phương vùng KTTĐ miền Trung năm 2019

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo kết quả hoạt động Quỹ TDND các địa phương vùng KTTĐ miền Trung năm 2019

Hoạt động Quỹ TDND vùng KTTĐ miền Trung trong giai đoạn qua duy trì tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay, huy động tiết kiệm khá ổn định, tỷ lệ nợ quá hạn toàn vùng giảm đáng kể qua các năm. Tuy nhiên, hoạt động Quỹ TDND thời gian qua vẫn còn quy mô vốn hoạt động còn nhỏ; số thành viên ít, chưa làm tốt công tác tuyên truyền.

3.3.1.3. Phát triển hoạt động TCVM qua chỉ tiêu quy mô và chất lượng dịch vụ của các CT/DA tại vùng KTTĐ miền Trung

Các chương trình TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung là các chương trình có quy mô nhỏ. Vốn huy động cũng rất thấp. Các chương trình TCVM được các địa phương cấp phép hoạt động trong khuôn khổ các tổ chức TCVM bán chính thức, tại vùng KTTĐ miền Trung có tỷ lệ hộ nghèo tương đối cao nhưng với 5 CT/DA TCVM hoạt động trên địa bàn là khá thấp về số lượng, về quy mô vốn, về đối tượng cho vay đối với khách hàng TCVM.

3.3.2. Thực trạng phát triển khả năng tiếp cận dịch vụ của khách hàng TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung

3.3.2.1. Mức độ tiếp cận dịch vụ vốn vay của khách hàng TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung

Bảng 3.9: Các chỉ tiêu thể hiện khả năng tiếp cận vốn vay TCVM của khách hàng vi mô tại vùng KTTĐ miền Trung năm 2019.

DVT: trđ, khách hàng, %

Tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM	Dư nợ cho vay (trđ)	Khách hàng vay (khách hàng)	Giá trị cho vay trung bình (triệu đồng/khách hàng)	Nợ quá hạn (%)
NH HTX	16,987,125	474,463	35.80	0.21
Quỹ TDND	2,363,523	143,842	16.43	0.45
CT/DA TCVM	159,612	-	-	<0.2

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các báo cáo của tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM vùng KTTĐ miền Trung năm 2019

Cả NHCSXH và Quỹ TDND thật sự đã vươn cánh tay đủ dài đến các khách hàng vi mô. Với dư nợ và số lượng khách hàng tương đối lớn, tăng trưởng qua các năm. Còn các CT/DA TCVM trong vùng còn rất hạn hẹp, số lượng vài chương trình, địa bàn hoạt động cũng như đối tượng hướng đến chưa thật sự đa dạng.

Quỹ TDND có tỷ lệ nợ quá hạn cao nhất và nằm ở mức 0,45%, nhưng so sánh với toàn hệ thống, thì Quỹ TDND hoạt động tại vùng quy mô vốn nhỏ, số thành viên thấp nhưng tỷ lệ nợ quá hạn thấp hơn trung bình của cả nước là 0,78% năm 2019. Còn công tác đánh giá về khả năng tiếp cận vốn vay của các CT/DA TCVM của vùng chưa thực hiện được, do còn hạn chế bởi công tác tổng hợp, thống kê và thực hiện báo cáo của các địa phương.

3.3.2.2. Mức độ thông tin tiếp cận của khách hàng vi mô

Các thủ tục hành chính, thời gian thực hiện các quy trình trên còn nhiều bất cập. Như công tác xét duyệt hộ nghèo, hộ thuộc diện chính sách còn một số tồn tại ở điểm công tác đánh giá thu nhập chưa chính xác, xác định nguồn gốc tài sản của các hộ chưa phù hợp, công tác thống kê chưa đầy đủ đã dẫn đến kết quả bỏ sót là có thể xảy ra, hay chọn chưa đúng đối tượng thụ hưởng là vấn đề vẫn còn tồn tại. Mặc dù công tác tập huấn, hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên do nhiều yếu tố từ khách hàng TCVM, từ trình độ của cán bộ công tác địa phương, từ cơ chế chính sách đã tác động đến hiệu quả hoạt động và công tác tiếp cận của khách hàng.

3.3.2.3. Mức độ hỗ trợ tiếp cận cho khách hàng vi mô

Với hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu, thì đầu ra sản phẩm là yếu tố quan trọng, đây là cơ sở tạo doanh thu và nguồn bù đắp các chi phí trong đó có nợ vay. Quan điểm được mùa mất giá hay được giá hơn được mùa được các hộ nông dân đề cao. Bởi các sản phẩm tiêu thụ khá đơn lẻ, chưa tạo ra chuỗi liên kết trong tiêu thụ để hỗ trợ nông dân tiêu thụ tốt.

3.3.2.4. Mức độ chi phí tiếp cận của khách hàng vi mô

Với yêu cầu đặt ra là hoạt động của các tổ chức TCVM đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu của khách hàng, vừa đảm bảo an toàn về vốn và các thông số tài chính khác cho sự phát triển của tổ chức. Nên tại vùng KTTĐ miền Trung chỉ có NHCSXH hoạt động với mạng lưới rộng, các điểm giao dịch đến địa bàn cư trú của khách hàng, dịch vụ cung ứng khá đa dạng, chi phí tiếp cận phù hợp nên đáp ứng khả năng tiếp cận dịch vụ TCVM cho khách hàng.

3.3.3. Tác động của phát triển hoạt động TCVM đến thu nhập và giảm nghèo tại vùng KTTĐ miền Trung

Dưới góc độ xem xét tác động của sự tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ các tổ chức TCVM, đánh giá công tác sử dụng vốn tác động đến thu nhập của hộ nghèo trước khi vay vốn, sau khi vay vốn 1 năm, 2 năm thì thấy được sự thay

đổi mức chi tiêu và thay đổi tích lũy dưới dạng tài sản của hộ nghèo có sự chuyển biến tích cực. Sự gia tăng về việc làm sau khi có được nguồn vốn của hộ nghèo, giải quyết được nhiều công ăn việc làm và nâng cao mức sống của hộ nghèo trong vùng.

3.4. Đánh giá thực trạng phát triển hoạt động TCVM Tại vùng KTTĐ Miền Trung thời gian qua

3.4.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng tín dụng vi mô và tiết kiệm vi mô duy trì hiệu suất ổn định và tăng trưởng bền vững. Dư nợ tín dụng qua các năm tăng với tốc độ tương đối ổn định.

Thứ hai, cải thiện thu nhập hộ gia đình. Nguồn thu nhập của gia đình từ hoạt động nông nghiệp giảm dần, từ các hoạt động phi nông nghiệp tăng lên như thu nhập từ các hoạt động dịch vụ, công nghiệp và xây dựng tăng lên đáng kể

Thứ ba, tăng quyền bình đẳng giới. Nhóm khách hàng nghèo và phụ nữ nghèo vẫn đang là một đối tượng lớn và là đối tượng cốt lõi trong việc đáp ứng nhu cầu tiếp cận tài chính của các tổ chức TCVM.

3.4.2. Những hạn chế

Mạng lưới hoạt động và kênh phân phối của các tổ chức TCVM còn hạn hẹp; Quy mô vốn kinh doanh của các tổ chức TCVM nhỏ so với các vùng KTTĐ còn lại và cả nước; Giá trị khoản vay trung bình còn khá thấp; Sản phẩm dịch vụ chưa phong phú, đa dạng; Chất lượng tín dụng mặc dù có cải thiện, nhưng vẫn còn nợ quá hạn, nợ xấu cao; Việc tiếp cận các dịch vụ TCVM của khách hàng còn thấp; Việc ứng dụng công nghệ trong các hoạt động của khách hàng TCVM còn thấp; Kiến thức về tài chính nói chung và TCVM của người dân còn rất thấp; Chưa chú trọng đến việc đầu tư vào các hoạt động phi nông nghiệp; Công tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động các TC TCVM chưa chặt chẽ.

3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.4.3.1. Nguyên nhân khách quan: gồm 4 nguyên nhân.

3.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác huy động vốn của các tổ chức TCVM trong vùng chưa thật sự tương xứng với tiềm năng của tổ chức; Sự suy giảm về nguồn tài trợ từ các đối tác quốc tế; Một số công ty tài chính hoạt động cho vay tiêu dùng đang mở rộng

hoạt động; ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển dịch vụ này chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức; Trình độ và nhận thức của người dân còn nhiều bất cập; Cơ chế, chính sách vừa thiếu, vừa chưa sát với thực tiễn; Một số chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo đầu tư chưa hiệu quả.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã phân tích thực trạng phát triển hoạt động TCVM tại Việt Nam và vùng KTTĐ miền Trung. Qua kết quả phân tích các hoạt động phát triển tài chính vi mô đã đánh giá được thực trạng hoạt động này đã duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng vi mô và tiết kiệm vi mô, cải thiện thu nhập hộ gia đình, tăng quyền bình đẳng giới. Nhưng vẫn còn các hạn chế lớn như giá trị khoản vay trung bình còn khá thấp, sản phẩm dịch vụ chưa phong phú, đa dạng, nợ quá hạn, nợ xấu cao, việc ứng dụng công nghệ trong các hoạt động của khách hàng TCVM còn thấp và kiến thức về tài chính nói chung và TCVM của người dân còn rất thấp.

Tuy nhiên, với kết quả trên đã cho thấy được những tác động tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo của các địa phương trong vùng, đó là tăng thu nhập cho các hộ nghèo, cải thiện đời sống và nâng cao nhận thức của người dân.

Chương 4

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG ĐẾN NĂM 2030

4.1. Định hướng phát triển hoạt động Tài chính vi mô tại vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2030

Luận án trình bày về định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2030 và định hướng phát triển hoạt động tài chính vi mô tại Vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2030

4.2. Giải pháp phát triển hoạt động tài chính vi mô tại vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2030

4.2.1. Nhóm các giải pháp về tài chính

4.2.1.1. Tăng cường nguồn vốn huy động

Thông qua việc xây dựng chiến lược huy động vốn xã hội từ các nhà tài trợ quốc tế, tài trợ trong nước và các nguồn khác. Bên cạnh đó, thu hút vốn từ khu vực tư nhân.

4.2.1.2. Đa dạng hóa sản phẩm tiết kiệm nhằm tăng trưởng tiết kiệm tự nguyện

Nghiên cứu thị trường để xác định xem các nhu cầu dịch vụ tài chính chưa được đáp ứng hoặc đáp ứng chưa đủ và thiết kế sản phẩm mẫu. Ra quyết định nâng cấp sản phẩm, hay phát triển sản phẩm mới.

4.2.1.3. Thực hiện nghiêm túc quy định về bảo hiểm tiền gửi nhằm đảm bảo lợi ích của khách hàng tiết kiệm vi mô

Các tổ chức TCVM đã cấp phép nên tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng gửi tiết kiệm tự nguyện và đảm bảo an toàn và lành mạnh của toàn hệ thống tài chính ngân hàng.

4.2.1.4. Đảm bảo sự bền vững, ổn định của tổ chức thông qua giảm chi phí và tăng các nguồn thu

4.2.2. Nhóm giải pháp về năng lực

4.2.2.1. Thực hiện công tác chuyển đổi hình thức hoạt động của các CT/DA để thành Quỹ xã hội và tiếp tục chuyển đổi thành tổ chức TCVM chính thức

+ Rà soát điều kiện hiện có cũng như các vấn đề có liên quan đến hoạt động của tổ chức như: tài sản, cơ cấu tổ chức, nhân sự, nguồn vốn, sản phẩm, kết quả hoạt động.

+ Tìm hiểu các quy định pháp lý có liên quan đến chuyển đổi, liên hệ với các TCTCVM đã chuyển đổi để được chia sẻ kinh nghiệm.

+ Lập kế hoạch các công việc cần phải thực hiện sau chuyển đổi.

+ Trong quá trình chuyển đổi: Cần liên hệ chặt chẽ với Ngân hàng nhà nước để có được sự hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

4.2.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các tổ chức TCVM

Cần có chiến lược phát triển, bồi dưỡng cán bộ quản lý cũng như đội ngũ nhân viên. Cần chuẩn hóa cán bộ, tuyển dụng đúng người, đúng việc và đảm bảo về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ.

4.2.2.3. Nâng cao chất lượng khách hàng TCVM thông qua giáo dục tài chính cá nhân

Theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 Về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã đưa ra nhiệm vụ nâng cao hiểu biết tài chính cho người dân, xây dựng

cơ chế bảo vệ người tiêu dùng tài chính là một trong 5 mục tiêu cơ bản mà Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia hướng đến. Hiểu biết tài chính được hiểu là tổng hợp những nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi cần thiết để đưa ra các quyết định tài chính hợp lý và cuối cùng đạt được thịnh vượng tài chính cho mỗi cá nhân. Hiểu biết tài chính cá nhân có vai trò rất quan trọng đối với các cá nhân và cả sự phát triển của kinh tế-xã hội.

4.2.3. Nhóm giải pháp về công nghệ

4.2.3.1. Ứng dụng công nghệ tài chính trong cung cấp dịch vụ TCVM.

Việc ứng dụng công nghệ tài chính trong cung cấp dịch vụ TCVM để phục vụ phổ cập tài chính là một xu hướng mới. Fintech được hiểu là ngành công nghiệp bao gồm các tổ chức không phải ngân hàng trong đó có các tổ chức khởi nghiệp sử dụng công nghệ để hỗ trợ hoạt động cung ứng các dịch vụ tài chính hiệu quả hơn.

4.2.3.2. Chú trọng công tác đảm bảo an ninh tài chính cá nhân.

Với thực trạng hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung, khách hàng TCVM trình độ văn hóa không cao, hiểu biết về dịch vụ tài chính và các cơ chế vận hành của các TCTD còn hạn chế. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động đời sống và các dịch vụ về tài chính chưa thật sự tốt đã ảnh hưởng không ít đến an ninh tài chính cá nhân.

4.2.4. Giải pháp hỗ trợ phát triển hoạt động TCVM

4.2.4.1. Nhóm giải pháp giảm nghèo bền vững. Để thực hiện giải pháp này cần chú trọng công tác tiếp cận địa bàn. Nâng cao ý thức, ý chí phấn đấu thoát nghèo. Đánh giá, rà soát phân loại hộ nghèo để có giải pháp cụ thể cho từng loại. Và đặc biệt chú trọng công tác cán bộ.

4.2.4.2. Các giải pháp hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động nâng cao thu nhập cho người nghèo

4.3. Lộ trình thực hiện giải pháp

Để triển khai 4 nhóm giải pháp trên, NCS đưa ra lộ trình thực hiện giải pháp theo hai giai đoạn. Giai đoạn 2021-2025 tập trung xây dựng chiến lược huy động, bộ máy điều hành, bảo vệ lợi ích khách hàng. Giai đoạn 2026-2030 triển khai các chiến lược đã xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

4.4. Khuyến nghị chính sách về phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ Miền Trung

4.4.1. Đối với Chính phủ: Phát triển hạ tầng công nghệ, xây dựng chiến lược giáo dục tài chính quốc gia, hoàn thiện các văn bản về bảo vệ người tiêu dùng tài chính.

4.4.2. Đối với Bộ, Ngành. Ngân hàng nhà nước Việt nam hoàn thiện hành lang pháp lý thúc đẩy chính sách tài chính toàn diện, hỗ trợ đào tạo nguồn lực cho các tổ chức TCVM và tạo môi trường tài chính lành mạnh. Bộ Tài chính cần ban hành chế độ kế toán phù hợp hơn, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và các cơ chế khác cho hoạt động TCVM.

4.4.3. Với UBND tỉnh, thành phố thuộc vùng KTTĐ miền Trung. Tăng cường hỗ trợ vốn, vật chất, kỹ thuật. Chú trọng công tác tuyên truyền và thực hiện các giải pháp hỗ trợ sinh kế nâng cao thu nhập cho người nghèo.

Kết luận chương 4

Từ phân tích thực trạng phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân các hạn chế. Tác giả luận án đã đưa ra định hướng và nêu 4 nhóm giải pháp, bao gồm: (1) Nhóm giải pháp về tài chính (4 giải pháp cụ thể); (2) Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực nguồn nhân lực (3 giải pháp cụ thể); (3) Nhóm giải pháp về công nghệ; (4) Nhóm giải pháp hỗ trợ phát triển hoạt động TCVM (2 giải pháp cụ thể). Trên cơ sở những định hướng và kết luận rút ra từ nghiên cứu thực trạng, tác giả luận án đã đưa ra khuyến nghị cho Chính Phủ, NHNN, Bộ Tài Chính, Tỉnh và Thành phố nhằm phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung.

KẾT LUẬN

Luận án phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận đã được xác định ở chương 2, tác giả đã phân tích thực trạng phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung giai đoạn 2015-2019. Sự phân tích thực trạng phát triển hoạt động được thực hiện dựa cơ sở tổ chức TCVM chính thức và bán chính thức. Mặt khác, tác giả luận án cũng đã chỉ ra những yếu tố tác động đến sự phát triển hoạt động TCVM. Từ đó rút ra kết luận về những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung.

Để phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung, tác giả nêu ra 4 nhóm giải pháp, bao gồm: (1) Nhóm giải pháp về tài chính (4 giải pháp cụ thể); (2) Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực nguồn nhân lực (3 giải pháp cụ thể); (3) Nhóm giải pháp về công nghệ (2 giải pháp cụ thể); (4) Nhóm giải pháp về phát triển thị trường TCVM (2 giải pháp cụ thể). Trên cơ sở những định hướng và kết luận rút ra từ nghiên cứu thực trạng, tác giả luận án đã đưa ra khuyến nghị cho Chính Phủ, NHNN, Bộ Tài Chính, Tỉnh và Thành phố nhằm phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu còn một số hạn chế cần được khắc phục trong những nghiên cứu tiếp theo:

- Quan điểm phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ miền Trung được tác giả tiếp cận dưới việc gia tăng của đối tượng thụ hưởng, chứ không nghiên cứu phát triển tổ chức.

- Số liệu thứ cấp thu thập dựa trên các báo cáo của các tổ chức cung ứng dịch vụ TCVM trong vùng chưa thật sự đầy đủ, do phạm vi nghiên cứu tương đối rộng.

- Số liệu khảo sát thông qua bảng hỏi chỉ đề cập đến dịch vụ tín dụng và tiết kiệm vi mô, còn các dịch vụ khác chưa đề cập đầy đủ.

Trên đây là những hạn chế của nghiên cứu, trong các nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ khắc phục những hạn chế nghiên cứu này nhằm phát triển một nghiên cứu hoàn thiện về sự phát triển hoạt động TCVM tại vùng KTTĐ.

